Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8509.80.10

Mã HS	8509.80.10
Mô tả hàng hóa	Thiết bị cơ điện gia dụng có động cơ điện gắn liền, trừ máy hút bụi của nhóm 85.08 / - Thiết bị khác: / - - Máy đánh bóng sàn nhà
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	04/11/2026 21:14:33
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85098010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	37.5	37,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15157
Thuế NK ưu đãi (MFN)	25	25%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15157
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15157
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	5 (-KH)	5% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	17.5	17,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục B)	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AC!E14458
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14399
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14399
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14399
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14399
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14399
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14399
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	3	AJ!E14453
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14453
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14453

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14453
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14453
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14453
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	5	VJ!E14454
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2.5	VJ!F14454
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14454
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14454
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14454
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14454
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AK!F14457
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14405
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F14413
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G14413
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H14413
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I14413
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J14413
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K14413
VKFTA	2022	2022	5	VK!E14444
VKFTA	2023	2023	5	VK!F14444
VKFTA	2024	2024	5	VK!G14444
VKFTA	2025	2025	5	VK!H14444
VKFTA	2026	2026	5	VK!I14444
VKFTA	2027	2027	5	VK!J14444
VCFTA	2022	2022	7	VC!D14499
VCFTA	2023	2023	3	VC!E14499
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14499

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14499
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14499
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14499
VN-EAEU	2022	2022	6,8	EAV!D14476
VN-EAEU	2023	2023	4,5	EAV!E14476
VN-EAEU	2024	2024	2,3	EAV!F14476
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G14476
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H14476
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I14476
AHKFTA	2022	2022	25	AKH!D14476
AHKFTA	2023	2023	25	AKH!E14476
AHKFTA	2024	2024	25	AKH!F14476
AHKFTA	2025	2025	25	AKH!G14476
AHKFTA	2026	2026	25	AKH!H14476
AHKFTA	2027	2027	25	AKH!I14476
EVFTA	2022	2022	12,5	EV-NK!D14491
EVFTA	2023	2023	8,3	EV-NK!E14491
EVFTA	2024	2024	4,1	EV-NK!F14491
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14491
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14491
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14491
UKVFTA	2022	2022	12,5	UKV!D14490
UKVFTA	2023	2023	8,3	UKV!E14490
UKVFTA	2024	2024	4,1	UKV!F14490
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14490
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14490

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14490
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14483
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14483
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14483
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14483
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14483
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14483
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14483
RCEP A	2022	2022	25	RCEPT-A!D14478
RCEP A	2023	2023	25	RCEPT-A!E14478
RCEP A	2024	2024	25	RCEPT-A!F14478
RCEP A	2025	2025	25	RCEPT-A!G14478
RCEP A	2026	2026	25	RCEPT-A!H14478
RCEP A	2027	2027	25	RCEPT-A!I14478
RCEP B	2022	2022	25	B!D14478
RCEP B	2023	2023	25	B!E14478
RCEP B	2024	2024	25	B!F14478
RCEP B	2025	2025	25	B!G14478
RCEP B	2026	2026	25	B!H14478
RCEP B	2027	2027	25	B!I14478
RCEP C	2022	2022	25	C!D14478
RCEP C	2023	2023	25	C!E14478
RCEP C	2024	2024	25	C!F14478
RCEP C	2025	2025	25	C!G14478
RCEP C	2026	2026	25	C!H14478
RCEP C	2027	2027	25	C!I14478

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	25	D!D14477
RCEP D	2023	2023	25	D!E14477
RCEP D	2024	2024	25	D!F14477
RCEP D	2025	2025	25	D!G14477
RCEP D	2026	2026	25	D!H14477
RCEP D	2027	2027	25	D!I14477
RCEP E	2022	2022	25	E!D14481
RCEP E	2023	2023	25	E!E14481
RCEP E	2024	2024	25	E!F14481
RCEP E	2025	2025	25	E!G14481
RCEP E	2026	2026	25	E!H14481
RCEP E	2027	2027	25	E!I14481
RCEP F	2022	2022	25	F!D14478
RCEP F	2023	2023	25	F!E14478
RCEP F	2024	2024	25	F!F14478
RCEP F	2025	2025	25	F!G14478
RCEP F	2026	2026	25	F!H14478
RCEP F	2027	2027	25	F!I14478
VIFTA	2024	2024	22.5	VI!F13471
VIFTA	2025	2025	20	VI!G13471
VIFTA	2026	2026	17.5	VI!H13471
VIFTA	2027	2027	15	VI!I13471

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AHKFTA 25%, RCEP (Phụ lục A) 25%, RCEP (Phụ lục B) 25%, RCEP (Phụ lục C) 25%, RCEP (Phụ lục D) 25%, RCEP (Phụ lục E) 25%, RCEP (Phụ lục F) 25%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (25%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 25%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8509.80 có 3 dòng thuế; dòng 8509.80.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Máy đánh bóng sàn nhà.	8509.80.20 Thiết bị tiêu hủy chất thải nhà bếp; 8509.80.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8509.80.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra

DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 25% của mã 8509.80.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15157), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)
HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.